

Số: 1793/QĐ-UBND

Gia Lâm, ngày 15 tháng 5 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 17 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất tại thôn Hội, thôn Vàng 1, thôn Vàng 2 để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường đê Hữu Đuống đoạn Dốc Lồi - Đặng Xá đến xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA LÂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở; Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 2461/TB-SNNMT ngày 31/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại cho các đối tượng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;



Căn cứ Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 555/UBND-NNMT ngày 06/02/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 8186/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt dự án: Xây dựng tuyến đường đê hữu Đuống đoạn Dốc Lờ - Đặng Xá đến xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm;

Căn cứ Công văn số 4059/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/5/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xác định ranh giới khu đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường đê hữu Đuống đoạn Dốc Lờ - Đặng Xá đến xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm;

Căn cứ Biên bản bàn giao mốc giới tại thực địa để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 06/8/2020;

Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND xã Gia Lâm về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường đê hữu Đuống đoạn Dốc Lờ - Đặng Xá đến xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm;

Căn cứ Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Gia Lâm về việc uỷ quyền cho ông Mai Ngọc Sơn – Phó Chủ tịch UBND xã thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng dự án: Xây dựng tuyến đường đê hữu Đuống đoạn Dốc Lờ - Đặng Xá đến xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm ngày 28/4/2026 và ngày 11/5/2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 308/TTr-KT ngày 15/5/2026,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 17 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất tại thôn Hội, thôn Vàng 1, thôn Vàng 2 để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường đê hữu Đuống đoạn Dốc Lờ - Đặng Xá đến xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, bao gồm:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 689,7m<sup>2</sup>.

2. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ: 19.155.949.265 đồng.

3. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Có phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo).

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Gia Lâm có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Gia Lâm niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án tại trụ sở UBND xã Gia Lâm, điểm sinh hoạt cộng đồng dân cư nơi có đất bị thu hồi và gửi Quyết định cho chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất bị thu hồi.

2. Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Gia Lâm thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt theo quy định.

3. Chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất bị thu hồi có trách nhiệm bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án theo đúng quy định.

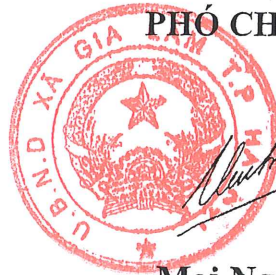
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND Xã, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Gia Lâm; Phòng giao dịch số 7 – Kho bạc Nhà nước Khu vực I; Thuế cơ sở 12 thành phố Hà Nội; các đơn vị, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Đ/c Chủ tịch UBND Xã (để b/c);
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Ngọc Sơn**





TỜNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÀI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường để lưu thông đoạn đèo Lôi - Đặng Xá đến xã Lê Chí, huyện Gia Lâm

(Kèm theo Quyết định số: 1793/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Gia Lâm)

| Số TT     | Chủ sử dụng đất  | Địa chỉ GPMB | Hiện trạng sử dụng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> ) |       |                 |                     | Diện tích thu hồi một (m <sup>2</sup> ) | Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> ) | Trên bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đồng) |  | Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi (đồng) | Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác (đồng) | Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ về thu hồi đất, tài sản và các khoản hỗ trợ khác (đồng) | Ghi chú |
|-----------|--|--------------|--------------------------------------|---|-------|-----------------|---------------------|---|-------------------------------------|--|--|---|--|--|---------|
|           |  |              |                                      | Tổng                                    | Đất ở | Đất nông nghiệp | Đất công ty sử dụng |   |                                     | Diện tích đất thu hồi là đất ở                       | Diện tích đất thu hồi là đất nông nghiệp |   |  |  |         |
| 1         | Bà Lê Thị Ngom   | Thôn Hội     | 484,4                                | 5-6+7+8                                 | 6     | 7               | 8                   | 9                                       | 10-4-5-9                            | 11   | 12                                       | 13  | 14                                       | 15=11+12+13+14   | 16      |
| 2         | Ông Vũ Văn Tĩnh  | Thôn Hội     | 318,7                                | 39,5                                    | 39,5  | 0               | 0                   | 279,2                                   | 1.186.185.000                       |  | 688.912.250                              | 0   | 1.875.097.250                            |  |         |
| 3         | Ông Đinh Văn Quyền và bà Nguyễn Thị Đức  | Thôn Hội     | 287,5                                | 18,4                                    | 11,4  | 7,0             | 269,1               | 408.781.200                             |                                     | 212.768.213  | 0  | 621.549.413   |  |  |         |
| 4         | Ông Đinh Xuân Pháp   | Thôn Hội     | 625,1                                | 20,3                                    |       | 0,0             | 604,8               |   | 4.425.400                           | 152.306  | 227.867.500                              | 232.445.206   |  |  |         |
| 5         | Hồ gia đình ông Nguyễn Văn Sơn   | Thôn Hội     | 510,5                                | 23,0                                    |       | 4,3             | 487,5               |   | 4.076.600                           | 10.638.575   | 209.907.500                              | 224.622.675   |  |  |         |
| 6         | Ông Nguyễn Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Hà   | Thôn Hội     | 383,9                                | 45,2                                    |       | 35,3            | 338,7               |   | 222.255.000                         | 0  | 222.255.000                              |   |  |  |         |
| 7         | Hồ gia đình ông Nguyễn Văn Sơn   | Thôn Hội     | 170,5                                | 45,4                                    |       | 3,1             | 125,1               |   | 9.221.400                           | 0  | 474.817.500                              | 484.038.900   |  |  |         |
| 8         | Ông Vũ Mạnh Hùng   | Thôn Hội     | 123,4                                | 10,1                                    |       | 0,6             | 113,3               |   | 340.651.000                         | 128.242.708  | 0  | 468.893.708   |  |  |         |
| 9         | Ông Đào Văn Kiên và bà Nguyễn Thị Hoàn   | Thôn Hội     | 115,6                                | 36,9                                    |       | 36,9            | 78,7                |   | 1.108.107.000                       | 153.849.659  | 0  | 1.261.956.659   |  |  |         |
| 10        | Ông Nguyễn Hữu Lệ và bà Hoàng Thị Nhung  | Thôn Vang 1  | 469,8                                | 1,0                                     |       | 1,0             | 468,8               |   |                                     | 16.350.000   | 25.986.764                               | 1.344.675.000   | 1.419.283.964                            |  |         |
| 11        | Ông Vũ Anh Bà  | Thôn Hội     | 286,2                                | 76,5                                    |       | 0,9             | 209,7               |   | 32.272.200                          |  | 620.098.491                              | 0   | 4.392.360.091                            |  |         |
| 12        | Bà Nguyễn Thị Nhuận và những người thừa kế hợp pháp của ông Đào Văn Đông (đã chết) | Thôn Hội     | 221                                  | 108,1                                   |       | 2,9             | 112,9               |   | 3.772.261.600                       |  |  | 0   | 6.658.286.751                            |  |         |
| 13        | Ông Đào Xuân Hoai và ông Đào Văn Kiên  | Thôn Hội     | 393,8                                | 156,8                                   |       | 20,9            | 237,0               |   | 4.873.102.200                       |  | 1.785.184.551                            | 0   | 6.658.286.751                            |  |         |
| 14        | Những người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bé (đã chết)                        | Thôn Hội     | 556,6                                | 49,2                                    |       | 4,4             | 507,4               |   |                                     | 9.766.400  | 1.894.400                                | 502.880.000   | 514.540.800                              |  |         |
| 15        | Ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh                                     | Thôn Vang 1  | 71,0                                 | 1,6                                     |       | 0,3             | 69,4                |   | 29.185.000                          |  | 0  | 29.185.000  |  |  |         |
| 16        | Ông Trần Văn Luân  | Thôn Vang 1  | 71,2                                 | 6,7                                     |       | 0,7             | 64,5                |   | 134.700.000                         |  | 19.853.148                               | 0   | 154.553.148                              |  |         |
| 17        | Ông Nguyễn Bá Hòa và bà Lê Thị Xuyên   | Thôn Vang 2  | 366,2                                | 11,5                                    |       |                 | 354,7               |   | 258.175.000                         |  | 0  | 0   | 258.175.000                              |  |         |
| Tổng cộng |  |              | 4.184,0                              | 689,7                                   | 248,4 | 44,8            | 30,2                | 0,0                                     | 4.765,7                             | 12.372.106.200                                       | 43.839.800                               | 3.648.718.265   | 3.091.285.000                            | 19.155.949.265   |         |

